TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày: 30 – 01 – 2026
"tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Minh Hoàng –** Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố

2. Ông **Trần Văn Mỹ Phúc –** Hội viên Hội luật gia thành phố

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn An Phước** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Yến Nhi** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST- LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2026 về *"tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 37, khóm Tân Nhơn, phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Công ty TNHH T**

Địa chỉ: KCN Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **CHUNG, CHEN-CHIA** – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Việt Trung –** Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trung: bà **Phạm Ngọc Thảo Trang** – Trưởng phòng quản lý nhân sự (văn bản ủy quyền ngày 30/01/2026).

Địa chỉ nơi làm việc: KCN Hòa Phú, ấp Thạnh Hưng, xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Phạm Thị Cẩm Th**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp Mỹ Phú, xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Ph trình bày:

Tháng 11/2008 đến tháng 02/2010, chị có cho người quan là Phạm Thị Cẩm Th mượn giấy CMND để đi làm công nhân tại Công ty TNHH T (Công ty T), thời gian này chị Th đi làm tại Công ty T nhưng lấy tên của chị, nay do chị cần chốt sổ bảo hiểm nhưng khi giải quyết chế độ cho chị từ năm 2014 đến năm 2024 thì chưa thực hiện được. Nay chị khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Th (sử dụng tên của chị) với Công ty TNHH T giai đoạn từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2010, chuyển thời gian đóng bảo hiểm lại cho chị Th, chị yêu cầu được hưởng trợ cấp bảo hiểm từ tháng 4/2014 đến tháng 10/2024.

Theo đơn yêu cầu vắng mặt ngày 07/01/2026, chị Thảo Trang đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T trình bày: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty T thống nhất và đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động số 24304/2008/HĐLĐ/TX có thời hạn từ ngày 01/11/2008 đến ngày 01/11/2009 và hợp đồng lao động số 24304/2009/HĐLĐ/TX có thời hạn từ ngày 01/9/2009 đến ngày 01/11/2012.

Theo đơn xin vắng mặt ngày 25/01/2025, người liên quan chị Th: không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Ph và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Ph và Công ty T từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2010 (thời gian thực tế chị Th đã làm tại Công ty T), ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

Chị Trang đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý yêu cầu vô hiệu 02 hợp đồng lao của chị Ph với Công ty T theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo về thời hạn xét xử.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 32, 35, 39, 147, 227, 244 BLTTDS; Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; mục 3 Chương III Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Ph và Công ty TNHH T số 24304/2008/HĐLĐ/TX ngày 01/11/2008 và số 24304/2009/HĐLĐ/TX ngày 01/11/2009. Đình chỉ yêu cầu chuyển thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2010 cho chị Th và yêu cầu hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội từ 2014 đến 2024 của chị Ph. Án phí sơ thẩm: chị Ph tự nguyện chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động, bị đơn có địa chỉ sở thuộc địa giới hành chính Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 32,35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Người liên quan được triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng đương sự có đơn xin vắng nên căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về điều luật áp dụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động giai đoạn năm 2008 đến 2010 do đó áp dụng Bộ luật Lao động (Bộ LLĐ) năm 1994, 2019; BLDS 2015 và các văn bản có liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung: từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2010 chị Phạm Thị Thanh Th có mượn giấy CMND của chị Ph để ký kết hợp đồng lao động với Công ty T là sự việc thực tế có xảy ra được chứng minh bằng hợp đồng lao động số 24304/2008/HĐLĐ/TX có thời hạn từ ngày 01/11/2008 đến ngày 01/11/2009 và hợp đồng lao động số 24304/2009/HĐLĐ/TX có thời hạn từ ngày 01/9/2009 đến ngày 01/11/2012 và lời thừa nhận của các đương sự. Chị Th mượn giấy CMND của chị Ph ký kết hợp đồng lao động với Công ty T để đi làm là vi phạm điều cấm của luật theo Điều 123 BLDS, chị Ph có yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động, Công ty T cũng thống nhất do đó cần vô hiệu hợp đồng lao động giữa các đương sự là phù hợp theo quy định khoản 1,4 Điều 30 BLLĐ 1994; Điều 49, 51 BLLĐ 2019.

3.1 Hậu quả vô hiệu hợp đồng: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

3.2 Đình chỉ yêu cầu chuyển thời gian đã đóng bảo hiểm và yêu cầu hưởng bảo hiểm từ năm 2014 đến năm 2024 do đương sự rút yêu cầu.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: chị Ph tự nguyện chịu án phí 300.000đ.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát có cơ sở như nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 30 BLLĐ 1994; Điều 15, 49, 51 BLLĐ 2019; Điều 123 BLDS; Điều 147, 227, 244 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph.

Vô hiệu hợp đồng lao động số 24304/2008/HĐLĐ/TX ngày 01/11/2008 có thời hạn từ ngày 01/11/2008 đến ngày 01/11/2009 và hợp đồng lao động số 24304/2009/HĐLĐ/TX ngày 01/11/2009 có thời hạn từ ngày 01/11/2009 đến ngày 01/11/2012 giữa chị Nguyễn Thị Ph với Công ty TNHH T.

Hậu quả hợp đồng vô hiệu: các đương không yêu cầu nên miễn xét.

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu chuyển thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2010 cho chị Th và yêu cầu hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2014 đến tháng 10/2024.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ph chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo lai thu số 0011954 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Ph đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Th vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV-Vĩnh Long: 01b;
- THADS tỉnh Vĩnh Long: 01b;
(Phòng THADS KV1-VL)
- Đương sự: 03b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÙ QUÝ NỮ